TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Mẫn
2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Bích K. Sinh năm: 1988 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Ông Trần Văn T. Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Bích K trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Bích K và ông Trần Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2010. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau vợ chồng có thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cải vã, đời sống vợ chồng không hòa hợp mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không còn tiếng nói chung không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà K yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 09/5/2013; con tên Trần Tường V, sinh ngày 18/5/2020. con chung đang sống

chung với bà K. Khi ly hôn bà K yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà K xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Bích K và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà Huỳnh Bích K trình bày: Giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cải vã, hiện nay ông T và bà K đã ly thân. Bà K xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Về phía ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà K. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà K không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông T.

[3] *Về nuôi con chung*: Ông T và bà K có 02 con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 09/5/2013 và con tên Trần Tường V, sinh ngày 18/5/2020, con chung đang sống chung với bà K. Khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi con chung. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ ly hôn thì con chung tên Trần Thảo V có nguyện vọng sống với bà K, đối với con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 18/5/2020 hiện nay còn nhỏ, các cháu đều là nữ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho bà Hằng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung:* Bà K xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Bích K về việc xin ly hôn ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 09/5/2013 và con tên Trần Tường V, sinh ngày 18/5/2020 cho bà Huỳnh Bích K trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Bích K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24/5/2024, bà K đã nộp tiền T ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008705 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Z, tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Theo GCNKH số 118 ngày 14/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;
- Lưu án văn.

Hàng Bích Trâm